

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 544/2022/KDTM-ST

Ngày: 15/4/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng cho
thuê tài chính*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Nhơn

2/ Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Trang – Cán bộ tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Diễm – Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2016/TLST-KDTM ngày 01 tháng 7 năm 2016 về việc “Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty V; địa chỉ: Số A Đường K, Phường C, Quận D, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ G (văn bản ủy quyền số 130/QĐUQ ngày 25/4/2018)

Bị đơn: Công ty B; địa chỉ: Số C Đường T, Phường M, quận B, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê S (Giấy chứng đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp ngày 19/8/2010)

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2014 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Công ty V trình bày:**

Công ty V và Công ty B đã ký các hợp đồng cho thuê tài chính số 36/2008/HĐCTTC ngày 23/01/2008, số 46/2008/HĐCTTC ngày 31/01/2008, số 58/2008/HĐCTTC ngày 20/02/2008, số 98/2008/HĐCTTC ngày 25/03/2008, số 152/2010/HĐCTTC ngày 08/12/2010, số 174/2010/HĐCTTC ngày 28/12/2010 và các Phụ lục đã ký giữa Công ty V và Công ty B. Cụ thể như sau:

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 36/2008/HĐCTTC ngày 23/01/2008: Tài sản cho thuê tài chính là 01 xe ô tô Mercedes Benz C200, biển kiểm soát 52F-4719 có giá trị là 938.969.967 đồng. Công ty B trả trước 143.460.447 đồng và số tiền cho thuê 795.509.520 đồng; thời hạn cho thuê: là 60 tháng (từ ngày 30/01/2008 đến ngày 30/01/2014); lãi suất thuê ban đầu là 1.2%/tháng, từ ngày 19/5/2008 áp dụng lãi suất cho thuê bằng 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước; lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn.

Do Công ty B đã không thanh toán nợ đúng như hợp đồng cho thuê tài chính đã ký nên ngày 29/05/2012, Công ty V ra quyết định số 0229/QĐ-CTTC v/v chấm dứt HĐCTTC số 36/2008/HĐCTTC trước hạn. Công ty B đã giao xe Mercedes Benz biển kiểm soát 52F – 4719 cho Công ty V để xử lý nợ thuê. Tính từ ngày cho thuê đến ngày 14/11/2012, Công ty B đã trả được 1.021.332.684 đồng (trong đó: tiền gốc 678.559.817 đồng, tiền lãi 342.772.867 đồng). Từ 15/11/2012 đến nay, Công ty B đã không thanh toán nợ đúng như hợp đồng cho thuê tài chính đã ký. Số tiền còn nợ gồm: Tiền nợ gốc là 116.949.703 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 16/03/2014 là 268.492.297 đồng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 46/2008/HĐCTTC ngày 31/01/2008: Tài sản cho thuê tài chính là 01 xe ô tô đầu kéo hiệu Freightliner biển kiểm soát 51C-117.09; giá trị tài sản là 879.750.000 đồng; số tiền Công ty B trả trước: 265.000.000 đồng; số tiền cho thuê là 614.750.000 đồng; thời hạn cho thuê là 60 tháng (từ ngày 04/02/2008 đến ngày 04/02/2013); lãi suất cho thuê ban đầu là 1.2%/tháng, từ ngày 19/5/2008 áp dụng lãi suất cho thuê bằng 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước; lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Từ ngày cho thuê đến ngày 22/11/2010, Công ty B đã trả được 241.961.505 đồng (Trong đó, tiền gốc là 241.843 đồng, và tiền lãi là 241.719.662 đồng). Từ ngày 23/11/2010 đến nay, Công ty B đã không thanh toán nợ đúng như hợp đồng cho thuê tài chính đã ký. Số tiền Công ty B còn nợ gồm: Tiền gốc là 614.508.157 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 16/03/2014 là 385.566.524 đồng.

- Hợp đồng cho thuê tài chính số 58/2008/HĐCTTC ngày 25/02/2008: Tài sản cho thuê tài chính là 01 xe ô tô đầu kéo hiệu Freightliner biển kiểm soát 57L-2293 và 04 sơ mi rơ moóc 40 feet hiệu A Bru các biển kiểm soát là 51R-7354, 51R-7355, 51R-7388, 51R-7389; tổng giá trị tài sản là 1.230.000.000 đồng; số tiền Công ty B trả trước là 369.000.000 đồng; số tiền cho thuê là 861.000.000 đồng; thời gian cho thuê là 48 tháng (từ ngày 25/02/2008 đến ngày 25/02/2012); lãi suất cho thuê ban đầu là 1.52%/tháng, từ ngày 19/5/2008 áp dụng lãi suất cho thuê bằng 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước; lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Từ ngày cho thuê đến ngày 27/10/2011, Công ty B đã trả được 437.101.558 đồng (trong đó, tiền nợ gốc là 80.582.206 đồng và tiền lãi là 356.519.352 đồng). Từ ngày 28/10/2011 đến nay, Công ty B không thanh toán nợ thuê tài chính đúng với hợp đồng cho thuê tài chính đã ký. Số tiền Công ty B còn nợ tiền gốc là 780.417.794 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 16/03/2014 là 515.317.273 đồng.

- Hợp đồng thuê tài chính số 98/2008/HĐCTTC ngày 25/03/2008: Tài sản cho thuê tài chính là 03 container lạnh số TTLU 5208182, số TTLU 8408265 và số TTLU 5206852; tổng giá trị tài sản là 690.000.000 đồng; số tiền Công ty B trả trước là 207.000.000 đồng; số tiền cho thuê là 483.000.000 đồng; thời gian cho thuê là 60 tháng (từ ngày 31/03/2008 đến ngày 31/03/2013); lãi suất cho thuê ban đầu là 1.57%/tháng, từ ngày 19/5/2008 áp dụng lãi suất cho thuê bằng 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước; lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Từ ngày cho thuê đến ngày 10/02/2012, Công ty B đã trả được 338.599.153 đồng (Trong đó, tiền nợ gốc là 127.664.264 đồng và tiền lãi là 210.934.889 đồng). Từ ngày 11/02/2012 đến nay,²

Công ty B không thanh toán nợ thuê tài chính đúng với hợp đồng cho thuê tài chính đã ký. Số tiền Công ty B còn nợ gồm: Tiền nợ gốc 355.335.736 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 16/03/2014 là 166.648.617 đồng.

- Hợp đồng thuê tài chính số 152/2010/HĐCTTC ngày 08/12/2010: Tài sản cho thuê tài chính là 01 xe ô tô đầu kéo hiệu Freightliner biển kiểm soát 57L-1070 và 01 xe ô tô đầu kéo hiệu International biển kiểm soát 57L-1312; tổng giá trị tài sản là 751.616.000 đồng; số tiền cho thuê là 751.616.000 đồng; thời gian cho thuê là 48 tháng (từ ngày 25/11/2010 đến ngày 25/11/2014); lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả sau của Công ty VII Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố cộng với 3.5%/năm; lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Từ ngày cho thuê đến nay, Công ty B không thanh toán nợ thuê tài chính đúng với hợp đồng cho thuê tài chính đã ký. Số tiền Công ty B còn nợ gồm: Tiền nợ gốc là 751.616.000 đồng và tiền lãi tính đến hết ngày 16/03/2014 là 448.577.112 đồng.

- Hợp đồng thuê tài chính số 174/2010/HĐCTTC ngày 28/12/2010: Tài sản cho thuê tài chính là 05 xe ô tô đầu kéo hiệu Freightliner có các biển kiểm soát là 57L-3210, 57L-5651, 51C-117.10, 57L-6109, 57L-6079; tổng giá trị tài sản là 840.000.000 đồng; số tiền cho thuê là 1.840.000.000 đồng; thời gian cho thuê là 48 tháng (từ ngày 15/12/2010 đến ngày 15/12/2014). lãi suất cho thuê ban đầu: 1.458%/tháng, từ ngày 15/3/2011 áp dụng lãi suất thả nổi theo nguyên tắc lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng (trả lãi sau) của Công ty VII Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố cộng với 3.5%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần; lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn. Từ ngày cho thuê đến nay, Công ty B không thanh toán nợ thuê tài chính đúng với hợp đồng cho thuê tài chính đã ký. Số tiền Công ty B còn nợ bao gồm: tiền gốc 1.840.000.000 đồng và tiền lãi 1.021.661.568 đồng (tiền nợ lãi tính đến hết ngày 16/03/2014).

Do Công ty B không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nên ngày 13/06/2012, Công ty V đã ra các quyết định số 0250/QĐ-CTTC, số 0252/QĐ-CTT và số 0253/QĐ-CTTC để chấm dứt các hợp đồng cho thuê tài chính số 46/2008/HĐCTTC ngày 31/01/2008, số 58/2008/HĐCTTC ngày 25/02/2008, 98/2008/HĐCTTC ngày 25/03/2008 và số 152/2010/HĐCTTC ngày 08/12/2010 trước hạn.

Ngày 15/06/2012, Công ty Vra quyết định số 0272/QĐ-CTTC về việc chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính số 174/2010/HĐCTTC ngày 28/12/2010 trước hạn.

Ngày 06/08/2012, Công ty V đã ra các quyết định số 0391/QĐ-CTTC, số 0396/QĐ-CTTC, số 0392/QĐ-CTTC, số 0393/QĐ-CTTC và số 0394/QĐ-CTTC về việc thu hồi tài sản đã giao cho Công ty B theo các hợp đồng cho thuê tài chính đã ký. Tuy nhiên đến nay, Công ty V chỉ thu hồi được 01 xe Mercedes Benz biển số 52F – 4719 để xử lý nợ thuê; số tài sản còn lại (bao gồm: 09 ô tô đầu kéo biển số 51C-117.09, 57L-2293, 57L-1070, 57L-1312, 57L-3210, 57L-5651, 51C-117.10, 57L-6109, 57L-6079; 04 sơ mi rơ moóc biển số 51R-7354, 51R- 7355, 51R-7388, 51R-7389 và 03 container lạnh) chưa thu hồi do Công ty B không giao nộp.

Nay Công ty V khởi kiện, yêu cầu Công ty B phải bàn giao tài sản thuê tài chính còn lại bao gồm:

+ 08 xe ô tô đầu kéo cùng hiệu Freightliner biển số 51C-117.09, 57L-2293; 57L-1070, 57L-3210, 57L-5651, 51C-117.10, 57L-6109, 57L-6079;

+ Xe ô tô đầu kéo hiệu International biển số 57L-13120;

+ 04 sơ mi rơ moóc hiệu A Bưu biển số 51R-7354, 51R-7355, 51R-7388, 51R-7389;

+ 03 container lạnh số TTLU 5208182, TTLU 8408265, TTLU 5206852;

Công ty B phải thanh toán toàn bộ tiền thuê bao gồm: Tiền nợ gốc là 4.198.827.390 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 06/7/2020 là 8.663.481.083 đồng. Yêu cầu tính lãi đến ngày Tòa án xét xử vụ án và bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo hợp đồng cho đến khi thi hành án xong theo các hợp đồng cho thuê tài chính đã ký kết.

Toà án nhân dân quận B đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bị đơn là Công ty B đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Tính đến ngày 15/4/2022 bị đơn còn nợ nguyên đơn số nợ gốc là 4.198.827.390 đồng, tiền lãi là 10.230.436.451 đồng. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả nợ gốc và tiền lãi tính đến ngày Tòa án xét xử là 14.429.236.841 đồng; bị đơn tiếp tục phải trả lãi theo hợp đồng cho đến khi thi hành án xong; yêu cầu bị đơn phải giao trả cho nguyên đơn các tài sản thuê. Nguyên đơn sẽ xử lý tài sản thuê để thu hồi nợ theo quy định. Khi bị đơn trả hết nợ và chi phí phát sinh cho nguyên đơn thì nguyên đơn sẽ chuyển nhượng quyền sở hữu các tài sản cho thuê cho bị đơn. Nếu số tiền thu về từ việc xử lý tài sản thuê không đủ thanh toán nợ thì bị đơn phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu; nếu còn thừa, nguyên đơn sẽ trả số tiền thừa cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Ngoại trừ vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến nay, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các biên bản làm việc, quyết định chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn, quyết định thu hồi tài sản cho thuê tài chính cho thấy Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại khoản 7.1 Điều 7 của các hợp đồng cho thuê tài chính nên việc nguyên đơn đòi Công ty B trả số nợ gốc 4.198.827.390 đồng là có cơ sở chấp nhận. Thỏa thuận về tiền lãi hai bên tại các hợp đồng cho thuê tài chính phù hợp với Quy chế cho vay và quyết định số 546/2002/QĐNHN, ngày 30/5/2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận trong hoạt động tín dụng thương mại. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về phần tiền lãi là có cơ sở. Cho đến hiện nay Công ty Giao Bảo chỉ mới bàn giao 01 xe ô tô biển số 52F-4719, còn các tài sản khác vẫn chưa bàn giao theo các quyết định thu hồi của Công ty cho thuê tài chính; căn cứ vào khoản 13.1; 13.5.1 Điều 13 Hợp đồng cho thuê tài chính, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty B phải giao tài sản thuê gồm 09 xe ô tô đầu kéo biển số 51C-117.09, 57L-2293, 57L-1070, 57L-1312, 57L-3210, 57L-5651, 51C-117.10, 57L-6109, 57L-6079; 04 sơ mi rơ moóc biển số 51R-7354, 51R-7355, 51R-7388, 51R-7389 và 03 container lạnh số TTLU 5208182, TTLU 8408265, TTLU 5206852 là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 113 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 7 Điều 3 Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính, khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính. Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh so Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, bị đơn có trụ sở tại số C Đường T, Phường M, quận B, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa

Bị đơn là Công ty B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[3] Về hiệu lực pháp luật của các hợp đồng cho thuê tài chính

Các hợp đồng cho thuê tài chính số 36/2008/HĐCTTC ngày 23/01/2008, số 46/2008/HĐCTTC ngày 31/01/2008, số 58/2008/HĐCTTC ngày 20/02/2008, số 98/2008/HĐCTTC ngày 25/03/2008, số 152/2010/HĐCTTC ngày 08/12/2010, số 174/2010/HĐCTTC ngày 28/12/2010 và các Phụ lục của các hợp đồng này được giao kết giữa Công ty V và Công ty B, là các pháp nhân có năng lực pháp luật dân sự và hoàn toàn tự nguyện khi ký hợp đồng. Nguyên đơn là Công ty V thực hiện hoạt động cho thuê tài chính theo quy định tại khoản 4 Điều 112 Luật Các tổ chức tín dụng. Nội dung của các hợp đồng cho thuê tài chính không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội. Các hợp đồng cho thuê tài chính đã được đăng ký tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh theo đúng quy định. Vì vậy, các hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên là hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Các bên tham gia hợp đồng có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận đã giao kết trong hợp đồng.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán toàn bộ tiền thuê bao gồm: Tiền nợ gốc là 4.198.827.390 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 15/4/2022 là 10.230.436.451 đồng, yêu cầu bị đơn vẫn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo hợp đồng cho đến khi thi hành án xong.

Căn cứ các hợp đồng cho thuê tài chính số 36/2008/HĐCTTC ngày 23/01/2008, số 46/2008/HĐCTTC ngày 31/01/2008, số 58/2008/HĐCTTC ngày 20/02/2008, số 98/2008/HĐCTTC ngày 25/03/2008, số 152/2010/HĐCTTC ngày 08/12/2010, số 174/2010/HĐCTTC ngày 28/12/2010 thể hiện nguyên đơn đã cho bị đơn thuê các tài sản gồm: 01 xe Mercedes Benz biển số 52F – 4719; 09 ô tô tô đầu kéo biển số 51C-117.09, 57L-2293, 57L-1070, 57L-1312, 57L-3210, 57L-5651, 51C-117.10, 57L-6109, 57L-6079; 04 sơ mi rơ mooc biển số 51R-7354, 51R- 7355, 51R-7388, 51R-7389 và 03 container lạnh. Các bên đã có xác định cụ thể số tiền cho thuê và mức lãi suất cho thuê trong các hợp đồng cho thuê tài chính này. Mức lãi suất các bên thỏa thuận là phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về thực hiện cơ chế lãi suất thỏa thuận trong hoạt động tín dụng thương mại. Căn cứ các biên bản nghiệm thu, bàn giao tài sản thì bị đơn đã nhận đủ tài sản thuê theo đúng hợp đồng cho thuê tài chính. Căn cứ các biên bản làm việc giữa nguyên đơn và bị đơn, các phiếu tính lãi, bảng kê chi tiết nợ phải trả thì tính đến ngày 15/4/2022, bị đơn còn nợ nguyên đơn số nợ gốc 5

là 4.198.827.390 đồng, tiền lãi là 10.230.436.451 đồng. Việc bị đơn không thanh toán tiền thuê cho nguyên đơn theo thỏa thuận đã ký tại các hợp đồng và phụ lục hợp đồng là vi phạm về nghĩa vụ của bên thuê quy định tại khoản 4 Điều 20 Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty V[“]*Trả tiền thuê và thanh toán các chi phí khác có liên quan đến tài sản thuê theo quy định trong hợp đồng cho thuê tài chính*”, vi phạm thỏa thuận tại khoản 12.7 Điều 12 của các hợp đồng cho thuê tài chính. Căn cứ khoản 13.1.1 của các hợp đồng cho thuê tài chính, điểm a khoản 1 Điều 21 và điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính, nguyên đơn ra thông báo về việc chấm dứt hợp đồng cho thuê tài chính trước hạn và thu hồi tài sản cho thuê là đúng quy định. Cho đến nay, bị đơn chỉ giao được cho nguyên đơn 01 xe Mercedes Benz biển số 52F – 4719 để xử lý thu hồi nợ, số tài sản còn lại bị đơn chưa giao và cũng không thanh toán nợ cho nguyên đơn theo quy định tại khoản 13.5.1 Điều 13 của Hợp đồng cho thuê tài chính. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ của bên thuê, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn nên yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 4.198.827.390 đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/4/2022 là 10.230.436.451 đồng, tiếp tục trả lãi cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ thanh toán và phải giao tài sản thuê gồm: 08 xe ô tô đầu kéo cùng hiệu Freightliner biển số 51C-117.09, 57L-2293; 57L-1070, 57L-3210, 57L-5651, 51C-117.10, 57L-6109, 57L-6079; 01 xe ô tô đầu kéo hiệu International biển số 57L-13120; 04 sơ mi rơ moóc hiệu A Bưu biển số 51R-7354, 51R-7355, 51R-7388, 51R-7389; 03 container lạnh số TTLU 5208182, TTLU 8408265, TTLU 5206852 là có cơ sở chấp nhận.

Căn cứ vào điểm b, khoản 13.5.1 Điều 13 Hợp đồng cho thuê tài chính, sau khi thu hồi tài sản thuê, nguyên đơn sẽ tiến hành xử lý tài sản cho thuê. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê dùng để thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi tài sản thuê và khoản tiền còn thiếu của bên thuê. Nếu số tiền không đủ thanh toán thì bị đơn có trách nhiệm thanh toán số tiền còn thiếu đó cho nguyên đơn.

Căn cứ vào điểm d, khoản 1 Điều 13 Hợp đồng cho thuê tài chính, trong quá trình nguyên đơn xử lý tài sản thuê, nếu bị đơn hoàn trả được toàn bộ số tiền nợ gốc, tiền lãi phải trả theo hợp đồng và các chi phí xử lý tài sản phát sinh thì nguyên đơn chuyển quyền sở hữu tài sản thuê cho bị đơn như trường hợp đã hoàn thành Hợp đồng thuê.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 122.249.237 đồng. Nguyên đơn được hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 63, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 91, Điều 113 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ các điều 3, 20, 21 và 22 của Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty cho thuê tài chính.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty V

1.1 Buộc Công ty B phải trả cho Công ty V số tiền nợ gốc là 4.198.827.390 (Bốn tỉ một trăm chín mươi tám triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi) đồng, tiền lãi tính đến ngày 15/4/2022 là 10.230.436.451 (Mười tỉ hai trăm ba mươi triệu bốn trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi một) đồng, tổng số tiền là 14.429.236.841 (Mười bốn tỉ bốn trăm hai mươi chín triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm bốn mươi một) đồng

Công ty B còn phải tiếp tục trả lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại các hợp đồng cho thuê tài chính số 36/2008/HĐCTTC ngày 23/01/2008, số 46/2008/HĐCTTC ngày 31/01/2008, số 58/2008/HĐCTTC ngày 20/02/2008, số 98/2008/HĐCTTC ngày 25/03/2008, số 152/2010/HĐCTTC ngày 08/12/2010, số 174/2010/HĐCTTC ngày 28/12/2010 giữa Công ty V và Công ty B và các phụ lục của các hợp đồng cho thuê tài chính này kể từ ngày 16/4/2022 cho đến khi thi hành án xong.

1.2. Công ty B phải bàn giao cho Công ty V các tài sản thuê sau:

- Xe ô tô đầu kéo hiệu Freightliner biển số: 51C-117.09 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037176 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/11/2011, tên chủ xe là Công ty V.

- Xe ô tô đầu kéo hiệu Freightliner biển số: 57L-1070 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 0037253 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/12/2006, tên chủ xe là Công ty V.

- Xe ô tô đầu kéo hiệu International biển số: 57L-1312 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 0045886 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/02/2007, tên chủ xe là Công ty V.

- Xe ô tô đầu kéo hiệu Freightliner biển số: 57L-3210 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 026753 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/12/2007, tên chủ xe là Công ty V.

- Xe ô tô đầu kéo hiệu Freightliner biển số: 57L-5651 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 062570 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/6/2008, tên chủ xe là Công ty V.

- Xe ô tô đầu kéo hiệu Freightliner biển số: 51C-117.10 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 037175 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/11/2011 tên chủ xe là Công ty V.

- Xe ô tô đầu kéo hiệu Freightliner biển số: 57L-6109 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 072546 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/8/2008 tên chủ xe là Công ty V.

- Xe ô tô đầu kéo hiệu Freightliner biển số: 57L-6079 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 072525 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/8/2008 tên chủ xe là Công ty V.

- Xe ô tô đầu kéo hiệu Freightliner biển số: 57L-2293 theo Giấy đăng ký xe ô tô số 042146 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/3/2008 tên chủ xe là Công ty V.

- Sômi romoóc hiệu A Bưu biển số 51R-7354 theo Giấy đăng ký romoóc, sômi romoóc số 001698 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2011 tên chủ xe là Công ty V.

- Sômi romoóc hiệu A Bưu viễn số 51R-7355 theo Giấy đăng ký romoóc, sômi romoóc số 001715 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2011 tên chủ xe là Công ty V.

- Sômi romoóc hiệu A Bưu viễn số 51R-7388 theo Giấy đăng ký romoóc, sômi romoóc số 001716 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2011 tên chủ xe là Công ty V.

- Sômi romoóc hiệu A Bưu viễn số 51R-7389 theo Giấy đăng ký romoóc, sômi romoóc số 001735 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/11/2011 tên chủ xe là Công ty V.

- Container lạnh số TTLU 5208182, Container lạnh số TTLU 8408265 và Container lạnh số TTLU 5206852.

1.3. Công ty V được quyền xử lý các tài sản cho thuê nêu trên để thu hồi nợ. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản cho thuê dùng để thanh toán các chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi tài sản thuê và khoản nợ của Công ty B. Nếu số tiền thu được không đủ thanh toán, Công ty B có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn thiếu. Trường hợp còn dư, Công ty V phải trả lại cho Công ty B.

Trong thời gian Công ty V xử lý tài sản nêu trên, nếu Công ty B trả được toàn bộ số nợ và các chi phí phát sinh thì Công ty V có nghĩa vụ chuyển quyền sở hữu các tài sản nêu trên cho Công ty B.

2. Về án phí: Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 122.249.237 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí là 57.632.545 đồng cho Công ty V theo biên lai số AB/2012/03128 ngày 01/7/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND Tp.H;
- VKSND Q.B ;
- Chi cục THADS Q.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh